TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195/2020/DS-PT
Ngày 24-11-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Anh Tuấn.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 203/2020/TLPT-DS ngày 15/10/2020, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/DS-ST ngày 27/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Khắc H, sinh năm 1985; trú tại: Xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Cao Thanh H1; vắng mặt.
- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1957; có mặt.

Cùng trú tại: Xã E1, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thái Khắc H trình bày: Do có quen biết nhau nên tôi cho bị đơn ông Cao Thanh H1 vay tiền nhiều lần như sau:

- Ngày 24/8/2018, tôi cho ông H1 vay số tiền 50.500.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn đến chiều cùng ngày sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa trả.

- Ngày 02/01/2019, tôi cho ông H1 vay số tiền 5.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, hẹn đến ngày 11/01/2019, trả nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả.

- Tiếp đến ngày 17/3/2019, tôi cho ông H1 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất theo lãi của Ngân hàng và có bà Vũ Thị L là mẹ của ông H1 đứng ra bảo lãnh trả nợ, hẹn đến ngày 17/4/2019, trả tiền lãi nhưng cho đến này ông H1 chưa trả.

Tổng cộng số tiền vay là 85.500.000 đồng, cả 03 lần vay tiền đều có lập giấy tờ vay mượn và ông H1 có ký xác nhận để làm tin chứ không có cầm cố hoặc thế chấp tài sản gì cho nguyên đơn để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ. Tôi đã đi đòi nhiều lần nhưng ông H1 vẫn không trả nợ. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1 phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền vay gốc vay là 55.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 30.000.000 đồng vay ngày 17/3/2019 do bà L đứng ra bảo lãnh trả nợ cho ông H1 nên tôi yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả cho tôi tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Cao Thanh H1 trình bày: Vì tôi và nguyên đơn đều là cán bộ tín dụng của Ngân hàng Hàng Hải với nhau nên vào ngày 24/8/2018, tôi có vay của nguyên đơn số tiền 50.500.000 đồng để tất toán khoản vay cho khách hàng của tôi và đến chiều cùng ngày tôi đã trả lại bằng tiền mặt cho nguyên đơn số tiền nêu trên nhưng khi trả tiền cho nguyên đơn tôi không lập giấy trả tiền và cũng không lấy lại giấy nhận nợ đã ký với nguyên đơn.

Tiếp đến ngày 02/01/2019, tôi có vay của nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng để chi tiêu công việc cá nhân và đến ngày 29/01/2019 tôi đã trả lại bằng tiền mặt cho nguyên đơn và cũng như lần trước khi trả tiền cho nguyên đơn tôi không lập giấy trả tiền và cũng không lấy lại giấy nhận nợ đã ký với nguyên đơn.

Vì hai khoản tiền này tôi đã trả cho nguyên đơn nhưng không lấy lại giấy vay nên nguyên đơn dùng các giấy tờ vay đó làm căn cứ khởi kiện thì tôi không chấp nhận đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 17/3/2019, tôi có vay của nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân với lãi suất thỏa thuận là 4.500.000 đồng/tháng, hẹn đến ngày 17/4/2019 sẽ trả tiền lãi cho nguyên đơn còn tiền gốc có ngày nào thì trả ngày đó. Việc vay mượn số tiền trên thì có mẹ của tôi là bà Vũ Thị L đứng ra bảo lãnh để trả số tiền trên, khi nhận tiền vay nguyên đơn đã trừ 01 tháng tiền lãi nên thực tế tôi chỉ nhận của nguyên đơn 25.500.000 đồng. Sau đó, tôi đã trả được cho nguyên đơn 06 tháng tiền lãi là 27.000.000 đồng, do tin tưởng nhau nên tôi không lập văn bản giấy tờ gì. Vì tiền lãi quá cao nên tôi không tiếp tục trả được lãi cho nguyên đơn, còn tiền gốc tôi chưa trả. Nay nguyên đơn yêu cầu tôi trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật thì tôi yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền lãi mà tôi đã trả cho nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị L trình bày: Tôi thừa nhận vào ngày 17/3/2019, tôi có ký bão lãnh cho con tôi vay số tiền 30.000.000 đồng của nguyên đơn và cam kết trong trường hợp ông H1 không trả được nợ cho nguyên đơn thì tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ thay cho ông H1 cả tiền gốc và tiền lãi. Tuy nhiên, do tôi tuổi cao, sức khỏe yếu và có thu nhập thấp nên tôi xin chuyển lại nghĩa vụ trả nợ cho ông H1, nếu nguyên đơn không đồng ý thì tôi đề nghị Tòa án giải

quyết theo quy định của pháp luật. Đối với các số tiền mà ông H1 vay của nguyên đơn vào ngày 24/8/2018 và ngày 02/01/2019 thì tôi không biết và không có liên quan nên tôi không có trách nhiệm gì đối với các số tiền này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 27/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Cưi Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 335, 342, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Khắc H.

- Buộc ông Cao Thanh H1 có nghĩa vụ trả cho ông Thái Khắc H 55.500.000 đồng tiền gốc và 10.941.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 66.441.000 đồng *(Sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi mốt nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bà Vũ Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Thái Khắc H 30.000.000 đồng tiền gốc và 6.395.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 36.395.000 đồng *(Ba mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Ông Cao Thanh H1 phải chịu 3.322.000 đồng *(Ba triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vũ Thị L phải chịu 1.820.000 đồng *(Một triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ông Thái Khắc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 2.137.000 đồng *(Hai triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0007117 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin kháng nghị theo hướng đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 27/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk về tư cách tố tụng của bà L và khoản vay 30.000.000đ ngày 17/3/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin; sửa bản án sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 27/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với các hợp đồng vay; ông H cho ông H1 vay số tiền 50.500.000 đồng, vào ngày 24/8/2018 và 5.000.000 đồng vào ngày 02/01/2019 đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết. Sau khi xét xử sơ thẩm thì các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về tư cách tham gia tố tụng của bà Vũ Thị L: Theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự thì *"Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm"*.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thái Khắc H yêu cầu bà L phải có trách nhiệm trả cho ông đối với số tiền 30.000.000 đồng vay ngày 17/3/2019, do bà L đứng ra bảo lãnh trả nợ cho ông H1. Như vậy, việc bản án sơ thẩm xác định bà L là bị đơn trong vụ án là đúng pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát kháng nghị cho rằng, bà Vũ Thị L là "người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan" là không có cơ sở.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng, trách nhiệm trả khoản vay 30.000.000đ thuộc về ông H1. Hội đồng xét xử thấy, theo khoản 1 Điều 339 Bộ luật dân sự quy định *"1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ"*. Và theo khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự quy định *"1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó"*. Như vậy, sau khi vay tiền ông H1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông H. Vì vậy, ông H khởi kiện người bảo lãnh là bà L phải có nghĩa vụ trả nợ là đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án bà L cũng thừa nhận vào ngày 17/3/2019, bà có ký bão lãnh cho ông H1 vay số tiền 30.000.000 đồng và cam kết trong trường hợp ông H1 không dúng thỏa thuận thì bà sẽ có trách nhiệm trả nợ thay cho ông H1 cả tiền gốc và tiền lãi. Như vậy, bản án sơ thẩm tuyên buộc bà L có nghĩa

vụ trả cho ông Thái Khắc H khoản nợ 30.000.000đ vay ngày 17/3/2019, là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát về phần lãi suất đối với khoản vay 30.000.000 đồng ngày 17/3/2019, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất 10%/tháng là không đúng. Căn cứ vào giấy vay có nội dung *"Hôm nay ngày 17/3/2019, tôi Cao Thanh H1 có vay của anh Thái Khắc H số tiền 30.000.000đ. Hẹn ngày 17/4/2019, trả lãi 4.500.000đ, gốc có ngày nào trả ngày đó"*. Như vậy, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, trong hợp đồng vay các bên có thỏa thuận về lãi từ ngày 17/3/2019 đến ngày 17/4/2019 với số tiền lãi là 4.500.000đ, số tiền lãi là quá cao so với quy định. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất 20%/năm tính từ thời điểm vay đến khi xét xử sơ thẩm như sau: Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 17/3/2019 đến ngày 27/8/2020 là 01 năm 05 tháng 10 ngày = [30.000.000 đồng x 20%] + [30.000.000 đồng x 20%:12 tháng x 05 tháng] + [30.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 10 ngày] = 8.664.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát kháng nghị áp dụng lãi chậm trả và lãi trên nợ gốc quá hạn là không đúng. Như vậy, cần buộc bà Vũ Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Thái Khắc H 30.000.000 đồng tiền gốc và 8.664.000 đồng lãi, tổng cộng là 38.664.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Vũ Thị L là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí và nộp bản phô tô giấy chứng minh nhân dân nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng nghị của Viện kiểm sát nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần liên quan đến kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2020/DS-ST ngày 27/8/2020, của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: Các Điều 335, 339, 342, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Khắc H.

- Buộc bà Vũ Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Thái Khắc H 30.000.000 đồng tiền gốc và 8.664.000 đồng lãi, tổng cộng là 38.664.000 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Nguyễn Đình Triết